

Bản án số: **07/2020/HS-ST**

Ngày: 28 - 4 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trọng Búp, ông Nguyễn Văn Giang

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Hoà Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện M'Đrắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk tham gia phiên toà: Ông Cao Văn Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2020/TLST-HS, ngày 01 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn M sinh năm 1946, tại tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm H, xã M1, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Hưu trí; dân tộc: kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 10/10; con ông Nguyễn Văn M2 (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị N (đã chết); có vợ là Võ Thị H, sinh năm 1950; có 03 con (con lớn nhất sinh năm 1974, con nhỏ nhất sinh năm 1987); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh. Có mặt.

2. Võ Thị H sinh năm 1950, tại tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm H, xã M1, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Nội trợ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 06/10; con ông Võ Văn C (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị V (Đã chết); có chồng là Nguyễn Văn M, sinh năm 1946; có 03 con (con lớn nhất sinh năm 1974, con nhỏ nhất sinh năm 1987); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh. Có mặt.

** Những người tham gia tố tụng khác:*

- Bị hại: Bảo hiểm xã hội tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trường G – Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn S – chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn B – chức vụ: Phó trưởng phòng thanh tra – kiểm tra (Có mặt).

Địa chỉ: đường Đ, phường T, Tp B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bảo hiểm xã hội huyện Đ1, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tất C1 - Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 7, thị trấn Đ1, huyện Đ1, tỉnh Nghệ An

3. Ông Hoàng Đ2, sinh năm 1950 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 14, xã E, huyện M3, tỉnh Đắk Lắk.

4. Ông Nguyễn Công H1, sinh năm 1959 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 17, xã E, huyện M3, tỉnh Đắk Lắk.

5. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1954 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, P. T2, Tp B, tỉnh Đắk Lắk.

6. Bà Phạm Thị N2, sinh năm 1972 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 9, xã H2, Tp B, tỉnh Đắk Lắk.

7. Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1968 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường N, P. T3, Tp B, tỉnh Đắk Lắk.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Thành M4, sinh năm 1956 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 11, xã E, huyện M3, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Võ Thị C, sinh năm 1958 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 18, xã E, huyện M3, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Nguyễn Kim L, sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 18, xã E, huyện M3, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 1989 đến năm 2007, Nguyễn Văn M là Giám đốc Nông trường cà phê A (nay là Công ty TNHH MTV Cà phê A) đóng tại xã E, huyện M3, tỉnh Đắk Lắk đã trực tiếp đứng tên nhận khoán một số diện tích đất của Nông trường để gia đình canh tác. Vào khoảng cuối năm 2004, vì muốn vợ mình là Võ Thị H được hưởng chế độ hưu trí, mặc dù Võ Thị H không phải là công nhân của Nông trường và cũng không tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành, Nguyễn Văn M đã nói cấp dưới của mình làm hồ sơ và kê khai khống quá trình công tác và đóng bảo hiểm xã hội của Võ Thị H. Để thực hiện việc này Nguyễn Văn M có trao đổi trực tiếp với ông Hoàng Đ2 là Trưởng phòng Tổ chức hành chính và ông Bùi Hữu B (đã chết) là nhân viên phòng Tổ chức hành chính, kiêm lái xe của Nông trường cà phê A lúc bấy giờ. Vì biết rằng việc làm này là vi phạm pháp luật và không thực hiện được nên ông Đ2 đã nói với Nguyễn Văn M là “Việc này tày đình lắm, bác đừng có làm”, tuy nhiên Nguyễn Văn M không nghe theo mà nói ông Bùi Hữu B làm hồ sơ cho Võ Thị H là công nhân của Nông trường từ năm 1982 đến thời điểm làm hồ sơ (năm 2004). Trong quá trình làm hồ sơ để Võ Thị H hưởng chế độ hưu trí hàng tháng thì ông B đã trực tiếp liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk, việc ông B liên hệ với ai và liên hệ như thế nào thì ông M không biết. Ngoài ra, bị cáo M khai có đưa 12.500.000 đồng

cho ông B để đóng bảo hiểm thì ông B mới làm được hồ sơ hưởng chế độ hưu trí cho bị cáo H.

Trong quá trình làm hồ sơ, Nguyễn Văn M đã nói với Võ Thị H “Tôi làm cho bà cái sổ hưu”, biết rõ mình không phải là công nhân của Nông trường cà phê A nhưng Võ Thị H không phản đối. Khi Võ Thị H được ông Bùi Hữu B gọi đến Nông trường để ký tên vào các văn bản, hồ sơ thủ tục làm sổ hưu trí thì Võ Thị H đã đến ký.

Sau khi hoàn thiện thủ tục, ông B đưa hồ sơ của Võ Thị H cùng những người khác (cùng đợt làm sổ hưu trí) cho ông Nguyễn Công H1 Phó giám đốc Nông trường cà phê A ký duyệt. Thấy trong hồ sơ đã đủ nên ông H1 đã ký duyệt tại bản xác nhận quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội và Quyết định nghỉ việc để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với Võ Thị H và đưa hồ sơ của Võ Thị H cùng các hồ sơ khác cho Nguyễn Văn M ký duyệt, sau đó chuyển đến Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk để làm thủ tục hưởng lương hưu. Khi có quyết định hưởng chế độ hưu trí hàng tháng thì hồ sơ của Võ Thị H được chuyển về Bảo hiểm xã hội huyện Đ1, tỉnh Nghệ An để hưởng chế độ hưu trí nhằm tránh bị phát hiện. Từ tháng 6 năm 2005 đến tháng 10 năm 2018, Võ Thị H đã nhận được tổng số tiền 399.886.100 đồng tiền hưởng chế độ hưu trí.

Về vật chứng bị tạm giữ: Số tiền 399.886.100 đồng; Giấy giới thiệu di chuyển số 566/BHXXH-CĐCS ngày 18/5/2005 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk; Đơn di chuyển hồ sơ của bà Võ Thị H; Quyết định số 566/QĐ-BHXXH-CĐCS ngày 18/5/2005 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng; Bản xác nhận quá trình tham gia BHXH mang tên Võ Thị H ghi ngày 20/01/2005; Quyết định nghỉ việc để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội cấp cho Võ Thị H, ký ngày 11/11/2004; Quyết định về việc chuyển lương cũ sang lương mới, ký ngày 07/3/2005; Tờ khai cấp sổ bảo hiểm xã hội của Võ Thị H và phần xét duyệt của Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk; Giấy đề nghị thanh toán, ghi ngày 23/6/2007 với họ tên người đề nghị thanh toán: Bùi Hữu B; Trích biên bản về việc xếp chuyển nâng lương lập ngày 11/3/2005.

Các giấy tờ, tài liệu trên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M’Đrăk đã ra quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trả lại cho các cơ quan tạm giữ trước đó.

Tại Cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrăk truy tố các bị cáo Nguyễn Văn M, Võ Thị H về tội “Gián lận Bảo hiểm xã hội” theo khoản 2 Điều 214 Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn M, Võ Thị H phạm tội “Gián lận Bảo hiểm xã hội”

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 214, điểm b, o, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 214, điểm b, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Thị H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Văn M, Võ Thị H đã trả lại cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Nghệ An số tiền 399.887.000 đồng.

Các bị cáo không tranh luận gì thêm mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng một mức án nhẹ nhất vì các bị cáo đã ăn năn hối hối hận về hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của hành vi, quyết định: Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và những chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vì mục đích vụ lợi nên vào khoảng cuối năm 2004 bị cáo Nguyễn Văn M đã nhờ ông Bùi Hữu B (đã chết) làm thủ tục hồ sơ và kê khai khống quá trình công tác tham gia đóng Bảo hiểm xã hội từ năm 1982 đến năm 2004 của bị cáo H tại Nông trường cà phê A để cơ quan Bảo hiểm xã hội làm thủ tục cho bị cáo H được nhận chế độ hưu trí hàng tháng, mặc dù trên thực tế bà H không phải là công nhân của Nông trường cà phê A và cũng không tham gia đóng Bảo hiểm xã hội. Bị cáo H biết mình không thuộc diện được hưởng và các tài liệu kê khai quá trình công tác của mình là làm khống nhưng bị cáo H vẫn ký các tài liệu hoàn tất hồ sơ để hưởng chế độ hưu trí, từ tháng 6/2005 đến tháng 10/2018 bị cáo H đã chiếm đoạt tổng số tiền 399.886.100 đồng từ Bảo hiểm xã hội. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Gian lận bảo hiểm xã hội". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 214 Bộ luật hình sự.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn M, Võ Thị H về tội "Gian lận bảo hiểm xã hội" theo khoản 2 Điều 214 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tại khoản 2 Điều 214 BLHS quy định:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a)...

c) *Chiếm đoạt tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;*

Xét tính chất mức độ hành vi của các bị cáo gây ra là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã gây thiệt hại về tài sản cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội, ảnh hưởng đến an sinh xã hội, chế độ bảo hiểm của nhà nước. Do vậy, hành vi của các bị cáo cần được nghiêm trị bằng pháp luật. Trong vụ án, các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, hành vi của các bị cáo có mức độ phạm tội khác nhau nên cần phân hóa để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp.

Đối với bị cáo M vì muốn vợ mình (Võ Thị H) được hưởng chế độ hưu trí nên đã nhờ ông Bùi Hữu B lập hồ sơ khống quá trình công tác của bị cáo H để bị cáo H được hưởng tiền hưu trí, bị cáo là người thực hành tích cực. Bị cáo H biết hành vi chồng mình Nguyễn Văn M là trái pháp luật nhưng bị cáo không can ngăn. Vì vậy, hình phạt đối với bị cáo M phải nghiêm khắc hơn so với bị cáo H.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bồi thường khắc phục toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt; các bị cáo đều là người trên 70 tuổi, bị cáo M và bố mẹ bị cáo đều là người có công với cách mạng; bị cáo H có anh, em ruột là người có công với cách mạng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, o, s (áp dụng thêm điểm x cho bị cáo M) khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử, xét thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo đều là người cao tuổi, việc không bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù, không gây nguy hiểm cho xã hội, nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần giao các bị cáo cho gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584 và Điều 585 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Văn M, Võ Thị H đã trả lại cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Nghệ An số tiền 399.887.000 đồng.

[5] Về án phí: Do các bị cáo là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Nguyễn Văn M, Võ Thị H.

Đối với số tiền 12.500.000 đồng bị cáo M khai đưa cho ông B để đóng bảo hiểm thì ông B mới làm được hồ sơ hưởng chế độ hưu trí cho bị cáo H. Tuy nhiên, bị cáo M không có giấy tờ gì chứng minh việc đưa tiền cho ông B. Ngoài ra, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ bị cáo H không đóng số tiền trên vào Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk, nên lời khai trên của ông M không có cơ sở xem xét.

Đối với hành vi trực tiếp làm hồ sơ khống để bà Võ Thị H được hưởng chế độ hưu trí của ông Bùi Hữu B có dấu hiệu của tội phạm, tuy nhiên ông Bùi Hữu B đã chết nên không đề cập xử lý.

Đối với ông Nguyễn Công H1 có ký một số giấy tờ liên quan với tư cách là Phó giám đốc Nông trường cà phê A trong hồ sơ hưởng chế độ của bà Võ Thị H có dấu hiệu của tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, nhưng đến nay đã hết thời hiệu xử lý hình sự.

Đối với ông Hoàng Đ2 có nghe về việc làm hồ sơ hưởng chế độ của bà Võ Thị H, nhưng không tham gia nên không có căn cứ xử lý hình sự với vai trò đồng phạm. Tuy nhiên, với vai trò là Trưởng phòng tổ chức hành chính thì ông Đ2 phải có trách nhiệm kiểm tra các giấy tờ trước khi trình Ban giám đốc Nông trường ký duyệt nhưng ông Đ2 thực hiện không hết chức trách. Vì vậy có dấu hiệu của tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, nhưng đến nay đã hết thời hiệu xử lý hình sự.

Đối với ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị N2, bà Phạm Thị T2 là nhân viên Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk đã căn cứ trên hồ sơ do Nông trường cà phê A lập và trình Lãnh đạo Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk ký Quyết định hưởng hưu trí cho bà Võ Thị H không biết đây là hồ sơ không hợp lệ nên không có căn cứ xử lý hình sự với vai trò đồng phạm. Tuy nhiên, những người này chưa thực hiện hết chức trách, nhiệm vụ khi trình hồ sơ phải kiểm tra sổ sách chuyên quản xem có danh sách đóng bảo hiểm xã hội hay không. Hành vi trên có dấu hiệu của tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, nhưng đến nay đã hết thời hiệu xử lý hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn M, Võ Thị H phạm tội “*Gian lận bảo hiểm xã hội*”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 214; điểm b, o, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 03 (Ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 28/4/2020.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 214; điểm b, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Võ Thị H 02 (Hai) năm 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 28/4/2020.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn M, Võ Thị H cho Ủy ban nhân dân xã M3, huyện Đ1, tỉnh Nghệ An giám sát giáo dục và gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và

tổng hợp hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ tất cả các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, Quyết định tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo Nguyễn Văn M, Võ Thị H kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 28/4/2020.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584 và Điều 585 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận việc các bị cáo Nguyễn Văn M, Võ Thị H trả lại cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Nghệ An số tiền 399.887.000 đồng (*Hiện số tiền trên đang được lưu giữ tại Kho bạc nhà nước huyện M theo Ủy nhiệm chi số 01ĐT ngày 15/01/2020 giữa Công an huyện M'Đrăk và Chi cục thi hành án dân sự huyện M*).

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Nguyễn Văn M, Võ Thị H.

[4] Thông báo quyền kháng cáo:

Các bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Công an huyện M'Đrăk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- UBND xã M3, huyện Đ1, tỉnh Nghệ An;
- Lưu Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Đình Nam